

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 53/2014/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2014

THÔNG TƯ

**V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2009/TT-BNN
ngày 28/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
ban hành quy định về kiểm dịch nhập khẩu trâu, bò từ
các nước Lào và Campuchia vào Việt Nam**

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Pháp lệnh Thú y ngày 29 tháng 4 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh giống vật nuôi ngày 24 tháng 3 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y; Nghị định số 119/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 27/2009/TT-BNN về kiểm dịch nhập khẩu trâu, bò từ các nước Lào, Campuchia vào Việt Nam.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2009/TT-BNN ngày 28/5/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định về kiểm dịch nhập khẩu trâu, bò từ các nước Lào và Campuchia vào Việt Nam

1. Điểm c, d, đ khoản 2 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“c) Kiểm tra các bệnh: Sảy thai truyền nhiễm, Xoắn khuẩn, Lao bò, Lở mồm long móng (LMLM) đối với từng lô trâu, bò theo tỷ lệ lưu hành ước tính là 10% (theo phụ lục Thông tư này), nếu kết quả kiểm tra âm tính thì được phép giết mổ;

d) Xử lý đàn trâu bò có kết quả kiểm tra dương tính: Nếu dương tính với bệnh LMLM thì phải cách ly, tiêm phòng vắc xin LMLM tam giá cho toàn đàn; đối với bệnh Sảy thai truyền nhiễm, Xoắn khuẩn thì điều trị toàn đàn hoặc kiểm tra từng con trâu, bò và điều trị những con có kết quả dương tính; thời gian theo dõi cách ly kiểm dịch từ 15 đến 21 ngày, trường hợp thời gian cách ly kiểm dịch quá thời hạn thì Chi cục Thú y phải thông báo cho chủ hàng biết rõ lý do;

Riêng đối với bệnh Lao bò thì phải cách ly và kiểm tra lại từng con, nếu dương tính thì phải giết mổ bắt buộc và xử lý nhiệt đối với thân thịt không có bệnh tích Lao bò trước khi sử dụng làm thực phẩm hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng làm thức ăn chăn nuôi; đối với nội tạng, phụ phẩm và thân thịt có bệnh tích phải tiêu hủy;

đ) Thông báo kết thúc thời gian nuôi cách ly kiểm dịch đối với trâu, bò nhập khẩu đáp ứng các điều kiện sau: Khỏe mạnh về lâm sàng, đáp ứng yêu cầu quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều này, đã được phun tắm thuốc diệt ký sinh trùng ngoài da; nếu trâu, bò không đảm bảo các điều kiện để công bố kết thúc thời gian nuôi cách ly kiểm dịch thì Chi cục Thú y báo cáo về Cục Thú y để hướng dẫn xử lý kịp thời.”

2. Bãi bỏ điểm e khoản 2 Điều 6.

3. Điểm c khoản 2 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“c) Thực hiện nghiêm túc việc kiểm dịch trâu, bò thu gom sau nhập khẩu tại các xã biên giới theo hướng dẫn tại Thông tư này. Chi cục Thú y báo cáo cơ quan quản lý trực tiếp và báo cáo Cục Thú y định kỳ theo quý, năm về tình hình kiểm dịch thu gom sau nhập khẩu”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2015.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thú y, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét, sửa đổi, bổ sung./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Vũ Văn Tám

PHỤ LỤC
Số lượng mẫu được lấy để phát hiện bệnh
(Kèm theo Thông tư số 53/2014/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2014
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Tổng đàn	Tỷ lệ lưu hành ước tính						
	0,1%	0,5%	1%	2%	5%	10%	20%
20	20	20	20	20	20	16	10
50	50	50	48	48	35	22	12
100	100	100	96	78	45	25	13
200	200	290	155	105	51	27	14
500	500	349	225	129	56	28	14
1.000	950	450	258	138	57	29	14
5.000	2253	564	290	147	59	29	14
10.000	2588	581	294	148	59	29	14
> 10.000	2995	598	299	149	59	29	14